

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ML
TỈNH SL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 65/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-9-2020.
V/v: Ly hôn giữa chị D và anh
B.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Bà Thảo Thị Dưa.

2 – Ông Lò Văn Khết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2020/TLST-HNGĐ ngày 24/6/2020 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị LTD, sinh 1999, trú tại: Bản MP, xã CH, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh LVB, sinh 1990, trú tại: Bản MP, xã CH, huyện ML, tỉnh SL. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị LTD trình bày:

Chị và anh LVB kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 16/10/2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CH, huyện ML, tỉnh SL. Cuộc sống chung hạnh phúc đến tháng 10 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh LVB không chăm lo xây dựng gia đình. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên can nhưng không khắc phục được. Từ đó hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị LTD xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh LVB.

Về con chung: Có hai con là LTTL, sinh ngày 24/10/2014 và LTHC, sinh ngày 22/01/2016. Nguyên vọng chị muốn được nuôi con LTHC, hiện công việc

của chị thu nhập khoảng 6.500.000, đồng tháng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có.

Bị đơn anh LVB trình bày: Anh LVB xác nhận quan hệ hôn nhân với chị LTD. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị LTD. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị LTD trình bày là đúng. Nay cũng anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Có hai con là LTTL, sinh ngày 24/10/2014 và LTHC, sinh ngày 22/01/2016. Nguyên vọng anh được nuôi con vì hiện nay có công việc ổn định, còn chị LTD do hiện công việc không ổn định, để ổn định cho hai con LVB xin trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị LTD phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án. Có căn cứ đề xử cho chị LTD được ly hôn anh LVB.

Về con chung: Giao cho anh LVB trực tiếp nuôi con là LTTL, sinh ngày 24/10/2014. Chị LTD trực tiếp nuôi con LTHC, sinh ngày 22/01/2016. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị LTD chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh LVB sau khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bày nguyện vọng, anh LVB đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng trực tiếp có xác nhận của Công an xã CH, huyện ML và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt anh LVB.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị LTD và anh LVB có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do không hợp nhau. Hai người đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị LTD và anh LVB đã được gia đình khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị LTD yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị LTD được ly hôn anh LVB.

[3] Về con chung: Căn cứ điều kiện hai anh chị đều đi làm dưới xuôi, cần giao anh LVB trực tiếp nuôi con là LTTL, sinh ngày 24/10/2014. Chị LTD trực tiếp nuôi con LTHC, sinh ngày 22/01/2016. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Điều không có.

Chị LTD chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị LTD được ly hôn anh LVB.

2. Về con chung: Giao cho anh LVB trực tiếp nuôi con là LTTL, sinh ngày 24/10/2014. Chị LTD trực tiếp nuôi con LTHC, sinh ngày 22/01/2016. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị LTD phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004943 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Chị LTD được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 28/9/2020. Anh LVB được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã CH, huyện ML
(để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Minh Tuấn

